

Bản án số: 158/2024/DS-PT

Ngày 17-9-2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái;

2. Ông Phạm Thái Bình;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Trúc Giang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:** Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966; có mặt

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Phạm Lê Q, sinh năm 1972; có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Tiểu Hồng K, sinh năm 1965; vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

(Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2024)

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Hải N, sinh năm 1975; có mặt

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965; có mặt

- Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1987; có mặt

- Ông Nguyễn Duy K1, sinh năm 1993; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, ông K1: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2023). có mặt

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị V là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Cha bà Nguyễn Thị V là cụ Nguyễn Văn M (chết năm 2017), mẹ bà V là cụ Võ Thị T3 (chết năm 2014). Cha, mẹ của bà V có tạo lập thừa đất diện tích khoảng 2.000m², tọa lạc tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Năm 1996, cha mẹ bà V tặng cho bà V diện tích đất 210m² nên bà V xây kiềng trên đất; Đến năm 2000, bà V xây nhà và ở đến nay. Năm 2002, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 185413 đối với thửa đất số 40, diện tích 210m² đứng tên hộ bà Nguyễn Thị V. Năm 2011, Nhà nước làm đường nhựa nên diện tích thửa đất số 40 còn lại là 193,4m². Năm 2014, vợ chồng bà V được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 713290 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 20/3/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T.

Năm 1993, cha mẹ bà V có cho anh trai bà V là ông Nguyễn Văn T2 diện tích đất 216,2m² và ông T2 xây dựng nhà ở; Đến năm 2020 ông T2 bán nhà đất nói trên cho ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 thì ông N, bà T1 xây vòng thành lấn chiếm qua đất của ông T, bà V là 12,05 m² (chiều ngang 0,5m chiều dài 24,1m). Vì vậy, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 phải giao trả cho vợ chồng ông T, bà V diện tích đất 12,05m² (chiều ngang 0,5m chiều dài 24,1m) thuộc thửa đất số 680 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 713290 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T.

Bị đơn trình bày:

Vào năm 2019, ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T2 01 ngôi nhà gắn liền với đất diện tích 216,2m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 604275 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 31/7/2013 cho ông Nguyễn Văn T2, đã đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hải N ngày 08/4/2020. Vào năm 2020, vợ chồng ông N bắt đầu xây dựng tường rào và mái che theo hiện trạng thực tế và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T2. Ngôi nhà này trước đây đã có vách cũ chung, nếu mở cửa sổ nhà của ông N, bà T1 là thông qua nhà bà V, ông T. Từ khi ông, bà nhận chuyển nhượng nhà đất của ông T2 cho đến nay thì của ai nấy sử dụng, ông N, bà T1 không có lần chiếm gì qua đất của bà V, ông T.

Nay theo yêu cầu của vợ chồng bà V, ông T yêu cầu vợ chồng ông N, bà T1 phải giao trả lại cho bà V, ông T diện tích đất 12,05m² (chiều ngang 0,5m chiều dài 24,1m) thì ông N, bà T1 không đồng ý, vì ông N, bà T1 không có lần chiếm đất của bà V, ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Ông Nguyễn Văn T2 với bà Nguyễn Thị V là anh em ruột. Năm 1997 cha ruột của ông T2 có cho ông Tân phần diện tích đất 216,2m² và ông T2 có xây dựng một ngôi nhà trên đất. Đến năm 2019 thì ông T2 có bán phần diện tích đất và nhà cho ông Nguyễn Hải N và bà Nguyễn Thị T1. Do ông T2 không có vợ con nên sau khi chuyển nhượng đất và nhà cho ông N, bà T1 ông T2 vẫn ở chung với ông N, bà T1 từ đó cho đến nay. Năm 2020 ông N, bà T1 có tiến hành sửa sang lại nhà nhưng không có đập phá xây dựng lại mà chỉ sửa sang lại trên nền đất có sẵn.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà V, ông T thì ông T2 không đồng ý. Vợ chồng ông N, bà T1 có sửa sang lại nhà nhưng không có xây lần chiếm qua phần đất của vợ chồng bà V, ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 94, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều

179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T đối với bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hải N về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”.

- Xác định diện tích 01m² đất (tại vị trí A-B-C-A theo trích đo sơ đồ vị trí khu đất) thuộc thửa đất số 680/193,4m² (đo đạc hiện trạng 198,7m²) cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 713290, cấp ngày 20/3/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T.

- Buộc ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T giá trị quyền sử dụng diện tích đất 01m² với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 01m² đất thuộc thửa đất số 680/193,4m² theo quy định pháp luật đất đai.

Vị trí đất có tứ cận: Đông giáp: ranh đất của ông T và ông N; Tây giáp: ranh đất của ông N và đất ông T; Nam giáp: đất ông N; Bắc giáp: đất ông T.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 27/7/2022 và ngày 12/01/2024 kèm theo).

Ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T đối với phần diện tích đất 11,05 m² bà V, ông T yêu cầu ông N, bà T1 giao trả cho bà V, ông T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác theo quy định.

Ngày 15/5/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị V có đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết: Bị đơn là ông Nguyễn Hải N và bà Nguyễn Thị T1 trả lại phần đất lấn chiếm 12,05m² thuộc thửa đất số 680/193,4m² cho nguyên đơn.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo;

- Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ: Nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng diện tích đất tranh chấp theo sự chỉ dẫn của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 đảm bảo quy định, nên việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án phúc thẩm tiến hành lại việc xem xét, thẩm định tại chỗ là không cần thiết.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị V:

[3.1] Theo lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ thể hiện:

- Năm 1996, cha mẹ của bà Nguyễn Thị Vân cho bà V diện tích đất 210m², tọa lạc tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Năm 2000, bà V xây

dựng nhà ở đến nay. Ngày 27/9/2002, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 185413 cho hộ bà Nguyễn Thị V đối với thửa đất số 40, diện tích 210m². Năm 2011, Nhà nước làm đường nhựa nên diện tích đất còn lại là 193,4m². Ngày 20/3/2014, vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 713290 thửa đất số 680, diện tích 193,4m².

- Năm 1997, cha mẹ của ông Nguyễn Văn T2 cho ông T2 diện tích 216,2m² đất (hướng bắc giáp với thửa đất số 40, diện tích 210m² của bà V); Ngày 31/7/2013, Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 604275 cho ông Nguyễn Văn T2 đối với thửa đất số 678, diện tích 216,2m². Ông T2 xây nhà ở đến năm 2020, ông T2 chuyển nhượng đất và nhà cho ông Nguyễn Hải N và bà Nguyễn Thị T1 và đã đăng ký biến động đất đai cho ông N ngày 08/4/2020.

- Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T cho rằng sau khi ông Nguyễn Văn T2 (anh ruột bà V) chuyển nhượng nhà, đất cho ông Nguyễn Hải N thì ông N và bà Nguyễn Thị T1 đã xây dựng tường rào lấn sang phần đất của ông T, bà V nên yêu cầu ông N, bà T1 trả lại diện tích 12,05m² đất.

[3.2] Theo Công văn số 2107/UBND-NC ngày 18/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xác định: “... Qua đo đạc hiện trạng thửa đất số 680 có diện tích 198,7m² (theo sự chỉ dẫn ranh đo đạc của ông T, bà V), chênh lệch tăng diện tích 5,3m². Sự chênh lệch tăng diện tích này là do sự chỉ dẫn đo đạc của ông T, bà V không đúng ranh giới thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về hướng Đông, T4 và B; Qua đo đạc hiện trạng thửa đất số 678 có diện tích 223,7m² (có phần diện tích đất tranh chấp 9,7m², theo sự chỉ dẫn ranh đo đạc của ông Nguyễn Hải N), chênh lệch tăng diện tích 7,5m². Sự chênh lệch tăng diện tích này là do sự chỉ dẫn đo đạc của ông N không đúng ranh giới thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về hướng Đông, T4 và B”.

[3.3] Theo Công văn số 3190/UBND-NC ngày 12/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xác định: “Theo trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp thể hiện diện tích 9,7m² đất tranh chấp, trong đó có một phần diện tích 6,9m² thuộc thửa đất số 678/216,2m² (đo đạc hiện trạng 223,7m²) cấp tại Giấy chứng nhận QSD đất số BO 604275 ngày 31/7/2013 đứng tên ông Nguyễn Văn T2, đã đăng ký biến động chuyển nhượng sang tên ông Nguyễn Hải N; một phần diện tích 01m² thuộc thửa đất số 680/193,4m² (đo đạc hiện trạng 198,7m²) cấp tại Giấy chứng nhận QSD đất số BO 713290 ngày 20/3/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Hữu T và phần diện tích 1,8m² còn lại (9,7m² - 6,9m² - 01m² = 1,8m²) nằm ngoài thửa đất số 678 và 680 nói trên, cụ thể diện tích 1,8m², gồm: 0,5m² nằm trong hành lang an toàn đường giao

thông(cách tìm đường 14,5m²) và 1,3m²thuộc thửa đất số 663, tờ bản đồ số 7, diện tích 638,7m²(đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất); Thửa đất số 678/216,2m² và thửa đất số 680/193,4m² không chồng lấn lên nhau”.

[3.4] Nhận thấy quá trình sử dụng đất, vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T với ông Nguyễn Văn T2 không có tranh chấp về ranh giới. Hướng nam của thửa đất số 680 giáp với hướng bắc của thửa đất số 678. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 713290 thửa đất số 680, diện tích 193,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 604275 thửa đất số 678, diện tích 216,2m² đều có tọa độ, ranh mốc cụ thể và không chồng lấn lên nhau. Vì vậy, trích đo bản đồ vị trí khu đất tranh chấp và văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác định trong phần diện tích đất bị đơn đang quản lý sử dụng có 01m² đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có cơ sở. Nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn đất với diện tích 12,05m² nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh cho toàn bộ yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ nhận định trên, xét kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.

Áp dụng Điều 163, Điều 164, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 4, Điều 5, Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T đối với bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hải N về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”.

- Xác định diện tích 01m² đất (tại vị trí A-B-C-A theo trích đo sơ đồ vị trí khu đất) thuộc thửa đất số 680/193,4m² (đo đạc hiện trạng 198,7m²) cấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 713290, cấp ngày 20/3/2014 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T.

- Buộc ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T giá trị quyền sử dụng diện tích đất 01m² với số tiền là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 được quyền tiếp tục sử dụng diện tích 01m² đất thuộc thửa đất số 680/193,4m² theo quy định pháp luật đất đai.

Vị trí đất có tứ cận: Đông giáp: ranh đất của ông T và ông N; Tây giáp: ranh đất của ông N và đất ông T; Nam giáp: đất ông N; Bắc giáp: đất ông T.

(Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 27/7/2022 và ngày 12/01/2024 kèm theo).

Ông Nguyễn Hải N, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ đăng ký đất đai tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T đối với phần diện tích đất 11,05 m² bà V, ông T yêu cầu ông N, bà T1 giao trả cho bà V, ông T.

3. Chi phí tố tụng khác:

- Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hải N phải chịu 744.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T.

- Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T phải chịu 8.220.000 đồng (Tám triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà V và ông T đã nộp đủ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Hải N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V, ông T 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai

số 0005966 ngày 23/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

- Bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Hữu T mỗi người phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013382 ngày 22/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Bà V, ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 17/9/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND H.Hàm Thuận Bắc;
- Chi Cục THADS H. Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Đức Hùng